

Số: 124/CN-CBTT

Sóc Trăng, ngày 9 tháng 4 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**
- Mã chứng khoán: STW
- Trụ sở chính: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại: (0299) 3820943 Fax: (0299) 3821278
- Người công bố thông tin: Ông Đặng Văn Ngọ - Tổng Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2020.**

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.soctrangwaco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CBTT.

**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Ngọ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch
& Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009,
Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017)*

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943
- Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn
- Email: info@soctrangwaco.vn

Số: 125/BC-CN

Sóc Trăng, ngày 9 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính)

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 158.631.330.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Nhà máy nước Sóc Trăng được thành lập vào năm 1964 (*tên gọi là Công quản Nhà máy nước Khánh Hưng*), công suất ban đầu là 3.000 m³/ngày đêm từ nguồn nước mặt của kênh Ô Ven qua Chợ Vũng Thơm vào Hồ Nước Ngọt, được quản lý và điều hành bởi một Hội đồng Công quản.
- Đến năm 1968, hình thành thêm hai Nhà máy nước Mỹ Xuyên và Phú Tâm cung cấp vòi nước công cộng và chủ yếu vận hành bơm nước bằng máy nổ.
- Năm 1972, đổi tên là Trung tâm Cấp thủy trực thuộc Quốc gia sản cấp Thủy cục do Bộ Công Chánh chế độ Sài Gòn cũ quản lý.
- Đến năm 1992, Nghị quyết Quốc hội chia Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Từ Xí nghiệp Cấp nước, được UBND tỉnh Sóc Trăng quyết định nâng lên thành Công ty Cấp nước tỉnh Sóc Trăng. Bước đầu mới thành lập gồm có Nhà máy nước Thị xã công suất 8.000 m³/ngày đêm và 03 Chi nhánh huyện trực thuộc Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Vĩnh Châu với tổng số vốn ban đầu là một tỷ tám trăm triệu đồng, tổng số hộ được cấp nước là 4.350 hộ.

- Đầu năm 2010, Công ty Cấp nước Sóc Trăng được chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 560/QĐTC-CTUBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng kể từ ngày 01/01/2010 do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1504/QĐ-UBND phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng thành Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

- Công ty tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thành lập lần thứ nhất vào ngày 28/12/2017 và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/12/2017, với mức vốn điều lệ là 158.631.330.000 đồng.

3. Ngành nghề kinh doanh của công ty

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
1.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (<i>Sản xuất và phân phối nước sạch</i>);	3600 (chính)
2.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (<i>Sản xuất nước uống đóng chai</i>);	1104
3.	Sản xuất khai thác chưa phân vào đâu (<i>chế tạo thiết bị ngành nước</i>);	3290
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (<i>bán vật tư, thiết bị ngành nước</i>);	4663
5.	Xây dựng nhà các loại;	4100
6.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (<i>công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật</i>);	4290
8.	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
10.	Đại lý môi giới đầu giá (<i>Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa</i>);	4610
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (<i>bán hóa chất ngành nước trừ hóa chất nhà nước cấm</i>);	4669
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210

STT	NGÀNH NGHỀ	MÃ NGÀNH
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: đại lý giao nhận, vận tải hàng hóa;	5229
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản. Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
17.	Hoạt động tư vấn quản lý (<i>tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</i>);	7020
18.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (<i>Dịch vụ kiểm định đo lường đồng hồ nước</i>);	7120
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (<i>Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</i>).	8299

SOCTRANGWACO cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là thành phố Sóc Trăng và trung tâm các huyện, thị xã, thị trấn trong toàn tỉnh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên;
- Ban kiểm soát: 03 thành viên;
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên;
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc: 03 thành viên;
 - + Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng, ban, xí nghiệp nghiệp vụ: 07 đơn vị;

+ Các Xí nghiệp cấp nước trực thuộc: 12 đơn vị.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: 01 công ty, với các thông tin

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng**

- Địa chỉ: Đường D4, KCN An Nghiệp, P7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Giấy chứng nhận ĐKKD số 2200680885 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 28/10/2013

- Vốn điều lệ: 41.600.000 (Bốn mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng)

- Cổ phần sở hữu: 1.206.400 cổ phần, chiếm 29% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và doanh nghiệp trong toàn tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm so với năm trước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư xây dựng các nhà máy, cụm xử lý, nâng cấp các nhà máy nước để bổ sung nguồn nước cho khu vực tỉnh Sóc Trăng và các vùng lân cận.

- Đầu tư hệ thống điện mặt trời tại một số nhà máy nước nhằm giảm dần lượng tiêu thụ điện năng ngày càng lớn, giảm chi phí hoạt động của Công ty.

- Đầu tư dự án chống thất thoát, sửa chữa, vệ sinh mạng lưới cấp nước.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý doanh nghiệp bằng công nghệ thông tin.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường...

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước, bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Công tác sửa chữa, cải tạo kết cấu hạ tầng trong tỉnh đã buộc công ty phải chịu chi phí di dời các tuyến ống, ảnh hưởng đến việc cấp nước cho khách hàng và kiểm soát thất thoát nước.

- Nguồn nước ngầm đang dần cạn kiệt, nguồn nước mặt bị ô nhiễm, hiện tượng xâm nhập mặn tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng do biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp đã ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của công ty, làm cho chi phí sản xuất tăng cao trong xử lý cũng như tìm kiếm các nguồn nước khác để thay thế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- M³ nước thương phẩm: **20.540.811 m³**, đạt tỷ lệ **102,7%** so với kế hoạch năm, tăng trưởng **6,47%** so với năm 2019.

- Tổng doanh thu: **189.566.341.967** đồng, tăng 24,21% so với năm 2019 và đạt 103,56% so với kế hoạch

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 179.952.082.380 đồng, chiếm 95,32%

+ Doanh thu lắp đặt: 4.804.708.037 đồng, chiếm 2,54%

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.600.978.614 đồng, chiếm 1,91 %

+ Doanh thu khác: 432.668.097 đồng, chiếm 0,23 %

- Lợi nhuận sau thuế: 10.407.393.874 đồng, tăng trưởng **259%** so với 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết
1	Đặng Văn Ngộ	Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	7.900
2	Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1972	Ks Cấp thoát nước, Cử nhân Luật	3.893.767
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	1977	Thạc sỹ kỹ thuật	3.172.626
4	Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	1965	Kỹ sư Cấp thoát nước	8.500
5	Võ Thị Phương Diệu	Kế toán trưởng	1981	Đại học Kế toán, Cử nhân Luật	200

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ CNV-LĐ tính đến hết ngày 31/12/2020

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	299	
- Trên đại học	04	1,34 %
- Đại học, cao đẳng	121	40,47 %
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	60	20,07 %
- Lao động qua đào tạo khác	114	38,12 %
II. Phân theo hợp đồng lao động	299	
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	298	99,67 %
- Hợp đồng lao động ngắn hạn từ 01-03 năm	0	0,00 %
- Hợp đồng lao động dưới 01 năm	01	0,33 %

2.4. Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động đúng theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ;

- Công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

a. Mạng lưới

TT	TÊN DỰ ÁN
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước áp An Thành (khu vực cầu Bung Tiết) - thị trấn Kế Sách
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934, từ Km25+406 đến Km25+621 - Lịch Hội Thượng
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước áp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (XN Mỹ Xuyên)
4	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 2, đường Nam Sông Hậu, ấp Giồng Chùa - Trần Đề
5	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường vào Khu văn hóa tín ngưỡng Giếng Tiên, đường tỉnh 932, huyện Châu Thành (XN Nguyễn Chí Thanh)
6	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Tổ 6 Khu Tà Ma, ấp Sóc Mới, xã Long Phú
7	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường chợ Kế Sách nối dài - thị trấn Kế Sách

8	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước tổ 7, 8 - ấp An Thành - thị trấn Kế Sách
9	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 142/13 đường tỉnh 934 - ấp Thạnh Lợi - Mỹ Xuyên
10	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 672 Lý Thường Kiệt - thành phố Sóc Trăng
11	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lý Thường Kiệt - thành phố Sóc Trăng
12	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường số 6 - đường số 8 (đoạn cuối đường số 6 ra Lý Thường Kiệt) Khu đô thị 5A - thành phố Sóc Trăng
13	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường N3 Khu công nghiệp An Nghiệp
14	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đoạn ống qua Kênh Chà Và thị trấn Mỹ Xuyên
15	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm đường Huyện 48 cạnh nhà 256 - Vĩnh Châu
16	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm tại Km117+200 đường Nam Sông Hậu - Vĩnh Châu
17	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm lộ đal Cà Săng - Vĩnh Châu
18	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 1 ấp Hòa Mỹ - Mỹ Xuyên
19	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Khu vực Tà Lờ, ấp 4, Long Phú
20	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Tổ 7, Khu Tà Ma 2, Long Phú
21	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp Chùa Ông, xã Hậu Thạnh (Đại Ngãi)
22	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Kênh 8/3, khóm 6, phường 6, TP. Sóc Trăng
23	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước ấp An Thành (Kênh Bà Lèo) - Kế Sách
24	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Đường huyện 22 (từ cầu Đại Ngãi đến cống Bồng Bồng) - Đại Ngãi
25	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Quốc lộ 60, từ Km107+740 đến Km108+800 - Đại Ngãi
26	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935B, từ Km1+873 đến Km2+113 - Đại Ngãi
27	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4, ấp Cảng - Trần Đề
28	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu, từ Km78+685 đến Km78+185 - Trần Đề

29	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước lộ đal áp Sóc Lèo, xã Lịch Hội Thượng
30	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Trường tiểu học Trung Bình - Trần Đề
31	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước áp Mỹ Tân (tuyến bên phải kênh Rau Cần) - Mỹ Tú
32	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước áp Mỹ Lợi B (đoạn từ cầu Tám Lương đi xã Mỹ Tú) - Mỹ Tú
33	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Lam Sơn, từ hộ Nguyễn Văn Côi đến hộ Nguyễn Văn Tâm - Ngã Năm
34	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Quốc lộ 61B bên phải, từ hộ Nguyễn Văn Lâm đến cầu Xẻo Cạy - Ngã Năm
35	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm sau Trường bỏ túc áp An Nghiệp, xã An Mỹ - Kế Sách
36	Hẻm cầu Phú Giao, xã Thạnh Quới - Thạnh Trị
37	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Quốc lộ 61B bên trái, từ hộ Lâm Út Bé đến cầu bắt kênh Xẻo Cạy - Ngã Năm
38	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường kênh 30/4, từ hộ Đào Văn Thắng đến hộ Trần Văn Hai - Ngã Năm
39	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Quốc lộ 61B bên phải, từ Km20+975 đến Km20+288 - Ngã Năm
40	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Quốc lộ 61B bên trái, từ Km20+975 đến Km20+505 - Ngã Năm
41	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Hẻm 239, Huyện lộ 48, khóm 6, phường 1 - Vĩnh Châu
42	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Hẻm WathPich, khóm Biển Trên A, phường Vĩnh Phước - Vĩnh Châu
43	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 935, từ Km24+796 đến Km25+488 - Vĩnh Châu
44	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường S1, S8 (tuyến đường nối đường tỉnh 933 đến 933C) - Long Phú
45	Hẻm cạnh nhà 321 Tôn Đức Thắng - TP. Sóc Trăng
46	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Dương Kỳ Hiệp, phường 2 - TP. Sóc Trăng
47	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 777 Trần Hưng Đạo - TP. Sóc Trăng
48	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 462, hẻm 473 Văn Ngọc Chính - TP. Sóc Trăng

49	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 23 ấp Phú Ninh, xã An Ninh - TP. Sóc Trăng
50	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 73 Phú Lợi - TP. Sóc Trăng
51	Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước dọc kênh 3/2, khóm 5, phường 9 - TP. Sóc Trăng

b. Xây dựng

TT	Tên dự án
1	Xây dựng Hồ chứa nước tuần hoàn sau lọc - Trạm cấp nước Hưng Lợi
2	Đường dây và Trạm biến áp 03 pha 100KVA-22/0.44KV - NMN Mỹ Xuyên 3
3	Hàng rào xây kín cao 2,5m; Bờ kè bê tông kênh thủy lợi; Đắp bờ bao, nạo vét kênh mương - Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3
4	Nền cụm xử lý; Nhà vận hành, trạm bơm, nhà đặt máy phát điện; San lấp mặt bằng, sân đường nội bộ
5	Đường dây và Trạm biến áp 03 pha 100KVA-22/0.44KV - Trạm cấp nước Hải Ngự - thị xã Vĩnh Châu
6	Nhà vệ sinh - Trạm cấp nước Lịch Hội Thượng
7	Cải tạo sân nền bồn hoa, nhà máy phát - Văn phòng công ty
8	Cải tạo sửa chữa các nhà máy, văn phòng thuộc XN Phú Lợi, XN Sửa chữa, XN Nguyễn Chí Thanh; Cải tạo sửa chữa Nhà máy nước Ngã Năm
9	Hố giếng G.TĐ3 - Trần Đề; Hố giếng LHT3 - Lịch Hội Thượng

c. Công nghệ, nhà máy

TT	Tên dự án
1	Giếng khoan KS5 - Trạm Trường dạy nghề Kế Sách
2	Giếng khoan N6 - NMN Khu công nghiệp
3	Giếng khoan N7 - NMN Khu công nghiệp
4	Giếng khoan G24 - XN Phú Lợi
5	Giếng khoan NN3 - Ngã Năm
6	Giếng khoan LP5 - Long Phú

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2019- 31/12/2019	Từ 01/01/2020- 31/12/2020	% Tăng, giảm
- Tổng giá trị tài sản	241.754.071.920	234.520.874.557	-3%
- Doanh thu thuần	152.618.716.674	189.566.341.967	24,2%
- Lợi nhuận kinh doanh	-6.568.495.102	10.373.786.871	257,9%
- Lợi nhuận khác	7.532.450	33.607.003	346,2%
- Lợi nhuận trước thuế	-6.560.962.652	10.407.393.874	258,6%
- Lợi nhuận sau thuế	-6.560.962.652	10.407.393.874	258,6%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐVT	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,3	0,7
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,2	0,6
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45,9%	39,8%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	85%	66,1%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,3	14,6
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,6	0,8
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-4,3%	5,5%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-5,0%	7,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2,7%	4,4%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-4,3%	5,5%

5. Cơ cấu cổ phần, cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cơ cấu cổ phần

Cơ cấu cổ phần	Số lượng	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ / điều lệ (%)
1. Tự do chuyển nhượng	9.398.348	93.983.480.000	59,25%
2. Hạn chế chuyển nhượng, trong đó	6.464.785	64.647.850.000	40,75%
- Cổ phần do tổ chức Công đoàn cơ sở sở hữu (không được phép chuyển nhượng)	7.932	79.320.000	0,05%
- Cổ phần do nhà đầu tư chiến lược cam kết không chuyển nhượng (5 năm)	6.345.253	63.452.530.000	40,00%
- Cổ phần do người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài (từ 3 - 10 năm)	111.600	1.116.000.000	0,70%
Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

5.2. Cơ cấu cổ đông

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2020, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ so vốn điều lệ (%)
I	Trong nước	15.863.133	158.631.330.000	100%
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	7.772.935	77.729.350.000	49%
2	Cổ phần tổ chức nắm giữ	7.637.398	76.373.980.000	48,15%
3	Cổ phần của cá nhân nắm giữ	452.800	4.528.000.000	2,85%
II	Nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	15.863.133	158.631.330.000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng		7.772.935	49,00%
2	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
3	Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam	0108307727	1.284.213	8,10%

- Danh sách cổ đông chiến lược

TT	Họ và tên	CMND/Giấy CNĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ SH (%)
1	Công ty Cổ phần HAWACO	0101189376	6.345.253	40,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty sử dụng các nguyên vật liệu, hóa chất xử lý nước như: Clo (*Clo hơi, Clo bột 90%, Clo hạt 90%, Clo hạt 60%, Clo viên*), PAC, Chất chống cặn, cát lọc, hạt xốp,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

b. Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a. Điện năng tiêu thụ trực tiếp: 8.982.796 kW

b. Điện năng tiết kiệm được thông qua việc công ty đầu tư lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời công suất 20 kW tại Xí nghiệp Cấp nước Mỹ Xuyên, công suất 38,3 kW tại Trạm cấp nước Hải Ngự và công suất 38,3 kW tại Xí nghiệp cấp nước Thanh Trị. Trong năm sử dụng khoảng 111.222 kw từ hệ thống điện mặt trời thay thế cho nguồn điện lưới từ Công ty Điện Lực.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn nước cung cấp và lượng nước sử dụng

Công ty hiện đang quản lý và khai thác hệ thống cấp nước đô thị gồm 24 Nhà máy, Trạm khai thác xử lý nước với tổng công suất được cấp phép khai thác là 86.290 m³/ngày đêm, gồm có 06 nhà máy tại thành phố Sóc Trăng, 03 nhà máy tại thị xã, 15 nhà máy tại các xã, thị trấn.

Với nhiệm vụ trọng tâm là cung cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và dân cư trên địa bàn, Công ty đặt việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước song song với việc

bảo vệ nguồn tài nguyên nước là mục tiêu hàng đầu. Công suất cấp nước vào mạng lưới hiện tại vào khoảng 64.200 m³/ngày đêm, nguồn nước khai thác chủ yếu là nước ngầm (87%) và nước mặt (13%), tổng số giếng khoan đang quản lý và khai thác là 62 giếng (15 giếng tầng sâu và 47 giếng tầng nông) cung cấp nước sạch cho hơn 91.736 hộ khách hàng

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Hiện tại công ty đang quản lý 24 nhà máy, trạm khai thác xử lý nước. Trong đó, có 11 nhà máy (Nhà máy Khu công nghiệp, Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Mỹ Xuyên 1, Mỹ Xuyên 2, Vĩnh Châu, Hải Ngư, Mỹ Tú, Kế Sách, Thạnh Trị, Long Phú) vận hành quy trình xử lý nước tuần hoàn sau lọc, không xả thải ra môi trường. Tổng lượng nước được tái sử dụng khoảng 2.400 m³/ngày, chiếm tỷ lệ 92% tổng lượng nước xử lý của toàn công ty.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động: 295 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 10.000.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, kết quả 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ; công tác an toàn vệ sinh, lao động được triển khai thực hiện theo quy định.

c. Hoạt động đào tạo

Trong năm, công ty đã cử nhiều đợt cán bộ, người lao động tham gia các buổi Hội thảo, tập huấn chuyên đề, các văn bản pháp luật, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động... do Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Chi hội Cấp nước miền Nam và các cơ quan chức năng tổ chức, qua đó giúp cho người lao động nâng cao kỹ năng, tay nghề và ứng dụng tốt trong công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cấp nước; đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cung cấp nước sạch sử dụng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với sự quyết tâm, đoàn kết của tập thể người lao động và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, doanh thu trong năm 2020 vượt so với kế hoạch đề ra, các chi phí được cân đối, tiết kiệm, đầu tư hiệu quả và đặt biệt phương án điều chỉnh giá nước sạch cũng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 nên

tình hình tài chính công ty cũng dần ổn định, công tác đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cũng được cân đối triển khai; các chế độ, chính sách, tiền lương của người lao động cũng được thực hiện đầy đủ kịp thời theo quy định.

Công tác quản trị đối với mô hình công ty cổ phần luôn được đổi mới nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của người lao động trong thực hiện nhiệm vụ.

Tuy nhiên tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp của công ty, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2019- 31/12/2019	Từ 01/01/2020- 31/12/2020	Tỷ trọng 01/01/2019- 31/12/2019	Tỷ trọng 01/01/2020- 31/12/2020
- Tài sản ngắn hạn	26.094.870.393	60.294.889.500	10,8%	25,7%
- Tài sản dài hạn	215.659.201.527	174,225,985,057	89,2%	74,3%
Tổng tài sản	241.754.071.920	234.520.874.557	100%	100%

Với đặc thù ngành nghề xử lý và cung cấp nước sạch, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm rất thấp (25,7%) trong khi tài sản cố định luôn chiếm tỷ trọng rất cao (74,3%) trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp do giá trị tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là rất lớn. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng đáng kể là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2020, các khoản phải thu ngắn hạn là 11,6 tỷ đồng chủ yếu là nợ phải thu tiền nước sinh hoạt của hộ dân cư, hàng tồn kho là 8,0 tỷ đồng chủ yếu là vật tư chuyên ngành cấp thoát nước.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2019- 31/12/2019	Từ 01/01/2020- 31/12/2020	Tỷ trọng 01/01/2019- 31/12/2019	Tỷ trọng 01/01/2020- 31/12/2020
- Nợ ngắn hạn	89.313.831.759	86.625.013.157	80,5%	92,8%
- Nợ dài hạn	21.694.263.042	6.742.490.407	19,5%	7,2%
Tổng nợ phải trả	111.008.094.801	93.367.503.564	100%	100%

Năm 2020 Công ty không phát sinh thêm vay dài hạn chỉ chủ yếu là trả nợ vay ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn và dài hạn của công ty lần lượt chiếm tỷ trọng 92,8% và 7,2% trên tổng nợ phải trả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, sắp xếp bố trí lao động hợp lý; xây dựng quy chế khoán đối với các đơn vị trực thuộc nhằm tăng sự tự chủ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị; tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Thực hiện Dự án phát triển hệ thống cấp nước trên toàn tỉnh Sóc Trăng.
- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống mạng lưới phù hợp nhằm mở rộng vùng cấp nước, tăng cường phát triển khách hàng mới.
- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy và hệ thống mạng cấp nước.
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ không bảo đảm chất lượng, gây thất thoát nước lớn.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn chú trọng công tác quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước khai thác.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Tập thể, người lao động luôn có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng công ty phát triển.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thống nhất theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban Tổng Giám đốc gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị mới được triển khai thực hiện.

Điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; duy trì hoạt động công ty ổn định, bảo đảm an toàn về tài sản, không có tai nạn lao động xảy ra, đảm bảo quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo, các chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đầy đủ đúng theo quy định, người lao động được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và được trả lương kịp thời, đầy đủ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động, phát triển và mở rộng đa dạng ngành nghề kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, tỷ lệ thất thoát cao...

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu hàng năm tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	0	0	3.172.627	20%
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	0	0	3.172.626	20%
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	7.300	0,046%	3.886.467	24,5%
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT (kể từ ngày 16/12/2020)	0	0	3.886.468	24,5%
5	Võ Thanh Văn	TV. HĐQT (đến ngày 16/12/2020)	0	0		
6	Đặng Văn Ngọ	TV. HĐQT (đến ngày 10/11/2020)	7.900	0,05%	0	0

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ngày 15/5/2020 Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT về việc thành lập Tổ trợ lý gồm 02 thành viên có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động của công ty.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty, đồng thời nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm Hội đồng quản trị đã ban hành 25 Nghị quyết/ Quyết định, cụ thể:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT	07/01/2020	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2019
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT	10/01/2020	Phê duyệt điều chỉnh giá mua nước sạch của Công ty CP Nước Sóc Trăng.
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT	27/02/2020	Mượn tài sản đảm bảo hiện đang thế chấp tại ngân hàng TMCP BIDV - CN Sóc Trăng.
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	16/3/2019	Triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2020
5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	15/5/2020	Thay đổi người đại diện phần vốn tại Công ty CP Nước Sóc Trăng.
6	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	15/5/2020	Thành lập Tổ trợ lý HĐQT và bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban thư ký.
7	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	15/5/2020	Triển khai các công việc theo nội dung cuộc họp HĐQT ngày 14/5/2020.
8	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	29/5/2020	Huy động vốn của người lao động tại Công ty.
9	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	03/6/2020	Triển khai các công việc theo nội dung cuộc họp HĐQT ngày 3/6/2020.
10	Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT	04/7/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2020
11	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	06/7/2020	Phê duyệt Kế hoạch thù lao và tiền lương HĐQT năm 2020.
12	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	01/10/2020	Triển khai các hạng mục đầu tư, công trình đã được thông qua tại phiên họp HĐQT ngày 30/9/2020.

13	Quyết định số 13/NQ-HĐQT	10/11/2020	Miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty
14	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	10/11/2020	Triển khai các công việc theo nội dung cuộc họp HĐQT ngày 10/11/2020.
15	Quyết định số 15/NQ-HĐQT	01/12/2020	Ban hành Quy chế hoạt động HĐQT
16	Quyết định số 16/NQ-HĐQT	01/12/2020	Ban hành Quy chế Quản trị Công ty
17	Quyết định số 17/NQ-HĐQT	01/12/2020	Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động
18	Quyết định số 18/QĐ-HĐQT	01/12/2020	Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ Trợ lý, Thư ký
19	Quyết định số 19/QĐ-HĐQT	01/12/2020	Phê duyệt phương án điều chỉnh lương cho người lao động năm 2020-2021
20	Quyết định số 20/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty
21	Quyết định số 21/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Công nhận thành viên HĐQT Công ty
22	Quyết định số 22/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Bổ nhiệm lại chức danh phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Trần Anh Hòa
23	Quyết định số 23/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Bổ nhiệm lại chức danh phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Quang Mãi
24	Quyết định số 24/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Bổ nhiệm lại chức danh phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Ong Hải Phước
25	Quyết định số 25/QĐ-HĐQT	16/12/2020	Bổ nhiệm lại chức danh phó Kế toán trưởng Công ty đối với bà Võ Thị Phương Diệu

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hoạt động theo điều lệ công ty.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Tổ trợ lý, Ban thư ký thực hiện theo nhiệm vụ được giao, là cầu nối giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty và các đơn vị trực thuộc.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đào tạo về quản trị trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu		Số cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	0	0	0	0
2	Nguyễn Văn Gỡ	Thành viên BKS (đến ngày 30/9/2020)	800	0,005%	0	0
3	Liễu Thu Trúc	Thành viên BKS (từ ngày 01/10/2020)	0	0	0	0
4	Đỗ Chí Công	Thành viên BKS (đến ngày 17/12/2020)	0	0	0	0

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Trao đổi thông tin nội bộ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

- Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ;

- Tham gia với Hội đồng quản trị trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	211.000.000	379.800.000
2	Đặng Văn Ngộ	TV. HĐQT (đến ngày 10/11/2020)	185.500.000	
3	Nguyễn Quang Mãi	TV.HĐQT	203.500.000	
4	Trần Anh Hòa	TV.HĐQT	203.500.000	
5	Võ Thanh Văn	TV. HĐQT (đến	203.500.000	

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương
		ngày 16/12/2020)		
II	Ban kiểm soát			
1	Vũ Tiến Bộ	Trưởng BKS	241.000.000	
2	Nguyễn Văn Gỡ	Thành viên BKS (đến ngày 30/9/2020)	109.000.000	63.000.000
3	Đỗ Chí Công	Thành viên BKS (đến ngày 17/12/2020)	133.000.000	84.000.000
4	Liễu Thu Trúc	Thành viên BKS (từ ngày 01/10/2020)	30.000.000	
III	Ban Tổng Giám đốc			
1	Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc		376.500.000
2	Trần Anh Hòa	Phó TGD		315.600.000
3	Nguyễn Quang Mãi	Phó TGD		315.600.000
4	Ong Hải Phước	Phó TGD		316.600.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Đỗ Chí Công	TV BKS	1.216.613	7,67 %	0	0
2	Đặng Như Ý	NCLQ Tổng Giám đốc	53.800	0,339 %	98.100	0,618 %

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Nhập thủy lượng kế	2.878.322.800
Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng	Mua nước sạch	13.264.826.547
	Mua điện	112.683.216
	Mua vật tư	77.510.000
Ông Nguyễn Quang Mãi	Vay vốn NLD	25.930.000.000

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

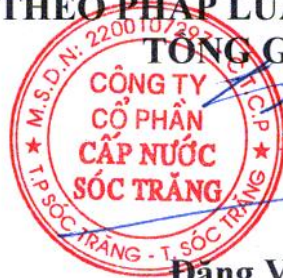
Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 12/3/2020 được đăng tải trên trang web công ty và được công bố thông tin theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VT, HC.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đặng Văn Ngọ